

UNIT 9:

SOURCES OF ENERGY

A CLOSER LOOK 2

- install	(v) : lắp đặt
- escape	(v) : thoát ra, thoát khỏi
- developing countries	(n) : những quốc gia p. triển
- saving energy	(n) : sự tiết kiệm n.lượng
- crack	(v,n) : làm nứt, vết nứt
- water pipe	(n) : ống nước
- alternative	(adj) : khác, thay thế
- solve	(v) : giải quyết
- effective	(adj) : có hiệu quả
- cause	(v) : gây ra
- shortage	(n) : sự thiếu hụt
- turbine	(n) : tua bin
- generate	(v) : sinh ra, tạo ra
- consumption	(n) : sự tiêu thụ